

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc ngành Tài nguyên và Môi trường áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 475/TTr-STNMT ngày 07 tháng 9 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc ngành Tài nguyên và Môi trường áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Quyết định này thay thế các quyết định: Quyết định số 469/QĐ-UBND ngày 04 tháng 3 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính của ngành tài nguyên và môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường/UBND cấp huyện/UBND cấp xã áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Quyết định số 473/QĐ-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường/UBND cấp huyện/UBND cấp xã áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.



Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC - Văn phòng Chính phủ;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Công Dịch vụ công tỉnh;
- LĐVP, CVNC, TTPVHCC;
- Lưu: VT, vvtu.



Nguyễn Đức Chín



DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HÓA THUỘC NGÀNH TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 819/QĐ-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HÓA

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I. Lĩnh vực đất đai: 35 thủ tục					
1	Điều chỉnh quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của Thủ tướng Chính phủ đã ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2004	+ Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của người sử dụng đất, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn người sử dụng đất lập hồ sơ để trình Ủy ban nhân dân tỉnh. + Trong thời hạn không quá 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định điều chỉnh thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Quốc hội (sau đây gọi tắt là Luật Đất đai 2013) - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai (sau đây gọi tắt là Nghị định số 43/2014/NĐ-CP) - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai (sau đây

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		+ Trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ. + Trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị góp ý của Bộ Tài nguyên và Môi trường, các bộ, ngành có trách nhiệm phải gửi ý kiến đến Bộ Tài nguyên và Môi trường.			gọi tắt là Nghị định số 01/2017/NĐ-CP). + Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (sau đây gọi tắt là Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT).
2	Gia hạn sử dụng đất nông nghiệp của cơ sở tôn giáo	Không quá 7 ngày được tính kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi	Trung tâm Phục vụ hành chính công	- Xác nhận bổ sung vào giấy chứng nhận mức thu là 50.000 đồng/lần. - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là 100.000 đồng/giấy.	- Luật đất đai 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định. Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả giải quyết.			(sau đây gọi tắt là Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT) - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính (sau đây gọi tắt là Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT) - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT - Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Thông tư 02/2014/TT-BTNMT) - Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND ngày 08 tháng 01 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang quy định lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					liên với đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND) - Nghị quyết số 126/2018/NQ-HĐND ngày 08 tháng 01 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang quy định phí thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 126/2018/NQ-HĐND) - Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc quy định giá dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (sau đây gọi tắt là Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND).
3	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trường hợp nhận hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì không quá 03 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Đất đai 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		làm việc, cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ phải thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định. - Thời hạn giải quyết không quá 60 ngày (thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định). Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày, trừ thủ tục hòa giải tranh chấp đất đai.			- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		- Thời hiệu giải quyết tranh chấp đất đai: Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết tranh chấp đất đai lần đầu (thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định). Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế-xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn thì không quá 45 ngày thì quyết định giải quyết tranh chấp lần đầu có hiệu lực thi hành.			



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
4	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	- Trường hợp nhận hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì trong thời gian tối đa 03 ngày, cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ phải thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định. - Thời hạn giải quyết: Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định. - Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Phí trích lục bản đồ địa chính thửa đất: 30.000 đồng/1 lần	- Luật Đất đai 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất (sau đây gọi tắt là Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT); - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; - Nghị quyết số 126/2018/NQ-HĐND; - Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND.



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.			
5	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải cấp giấy chứng nhận đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao.	- Trường hợp nhận hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ phải thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định. - Thời hạn giải quyết: Không quá 20 ngày (không kể thời gian giải phóng mặt bằng; không kể thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất). Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của	Trung tâm Phục vụ hành chính công	- Phí trích lục bản đồ địa chính thửa đất: 30.000 đồng/1 lần. - Lệ phí Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 100.000 đồng/giấy.	- Luật Đất đai 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; - Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND; - Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND.



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định. Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.			
6	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; dự án không phải cấp giấy chứng nhận đầu tư; trường hợp không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	- Trường hợp nhận hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ phải thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định. - Thời hạn giải quyết: Không quá 20 ngày (không kể thời gian giải phóng mặt bằng; không kể thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất). Thời gian này không tính thời	Trung tâm Phục vụ hành chính công	- Phí trích lục bản đồ địa chính thửa đất: 30.000 đồng/1 lần. - Lệ phí Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 100.000 đồng/giấy.	- Luật Đất đai 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT - Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND - Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định. Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.			
7	Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép cơ quan có thẩm quyền đối với tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	- Trường hợp nhận hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ phải thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định. - Thời hạn giải quyết: Không quá 15 ngày.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	- Phí trích lục bản đồ địa chính thửa đất: 30.000 đồng/lần. - Lệ phí xác nhận bổ sung vào giấy chứng nhận: 50.000 đồng/lần. Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà	- Luật Đất đai 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT - Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND

KIẾN GIẢ

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định. Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.		ở và tài sản khác gắn liền với đất là 100.000 đồng/giấy.	- Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND
8	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	Không quá 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Xác nhận bổ sung vào giấy chứng nhận mức thu là 50.000 đồng/lần. Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là 100.000 đồng/giấy.	- Luật Đất đai 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT;



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định. Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả giải quyết.			- Thông tư số 02/2014/TT-BTC; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND.
9	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. <i>Thời gian này không tính thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử</i>	- Trung tâm Phục vụ hành chính công đối với tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh	Không	- Luật Đất đai 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP của Chính phủ;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		<i>dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định.</i> <i>Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.</i>	ngành có vốn đầu tư nước ngoài; - Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã nếu có nhu cầu.		- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công (gọi tắt Nghị định số 118/2015/NĐ-CP); - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT.
10	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. <i>Thời gian này không tính thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định.</i> <i>Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng</i>	- Trung tâm Phục vụ hành chính công đối với tổ chức; - Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện đối với cộng đồng dân cư hoặc Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp xã nếu có nhu cầu.	Không	- Luật Đất đai 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT.



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		<i>xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.</i>			
11	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. <i>Thời gian này không tính thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định.</i> <i>Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.</i>	- Trung tâm Phục vụ hành chính công đối với tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; - Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp xã nếu có nhu cầu.	- Hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn không phải nộp. - Hộ gia đình cá nhân tại phường nội thành thuộc thành phố mức thu phí, lệ phí: Chỉ có đất không có nhà và tài sản gắn liền với đất là 20.000 đồng/ lần cấp; Đối với tài sản 50.000 đồng /lần cấp. - Tổ chức: 50.000 đồng/lần cấp (đối với cấp đổi giấy chứng nhận); 30.000 đồng/1 lần (đối với trường hợp biến động về đất đai).	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT; - Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND.



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
12	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. <i>Thời gian này không tính thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định.</i> <i>Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.</i>	- Trung tâm Phục vụ hành chính công đối với tổ chức. - Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã.	Đối với tổ chức: - Trường hợp cấp lại (kể cả cấp lại giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào giấy chứng nhận là 50.000 đồng/lần cấp - Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai 30.000 đồng/1 lần - Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính 30.000 đồng/1 lần. Đối với cá nhân: - Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai 28.000 đồng/1 lần. - Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính 15.000 đồng/1 lần.	- Luật Đất đai 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP của Chính phủ; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT, - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT, - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; - Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND; - Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ về lệ phí trước bạ.
13	Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. <i>Thời gian này không tính thời gian thực hiện nghĩa</i>	- Trung tâm Phục vụ hành chính công đối với tổ chức. - Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Tổ chức: - Trường hợp cấp lại (kể cả cấp lại giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi,	- Luật Đất đai 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP của Chính phủ;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề	<i>vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định.</i> <i>Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.</i>	UBND cấp huyện đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp xã nếu có nhu cầu	xác nhận bổ sung vào giấy chứng nhận. 50.000 đồng/lần cấp - Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai 30.000 đồng/1 lần. Cá nhân: - Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai 28.000 đồng/1 lần. - Mức thu đối với hộ gia đình, cá nhân tại các khu vực khác bằng 50% mức thu quy định đối với hộ gia đình, cá nhân tại phường nội thành thuộc thành phố thuộc tỉnh.	- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT, - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT, - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; - Thông tư số 02/2014/TT-BTC; - Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND.
14	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. <i>Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10</i>	- Trung tâm Phục vụ hành chính công đối với tổ chức; - Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện đối với cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân	- Tổ chức cấp đổi: 50.000 đồng/lần cấp Cá nhân: - Mức thu đối với hộ gia đình, cá nhân tại phường nội thành thuộc thành phố thuộc tỉnh cấp đổi: 20.000 Đồng/lần cấp Mức thu đối với hộ gia đình, cá nhân tại các	- Luật Đất đai 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP của Chính phủ; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT, - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT,

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		ngày.		khu vực khác Bằng 50% mức thu quy định đối với hộ gia đình, cá nhân tại phường nội thành thuộc thành phố thuộc tỉnh	- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; - Thông tư số 02/2014/TT-BTC; - Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND
15	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cấp đổi đồng loạt cho nhiều người sử dụng đất do đo vẽ lại bản đồ là không quá 50 ngày làm việc. <i>Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.</i>	- Trung tâm Phục vụ hành chính công đối với tổ chức; - Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện đối với cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân hoặc Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp xã nếu có nhu cầu.	- Tổ chức: 50.000 đồng/lần cấp. - Hộ gia đình cá nhân tại phường nội thành thuộc thành phố thuộc tỉnh: Đối với đất 20.000 đồng/ lần cấp; Đối với tài sản 50.000 đồng/lần cấp. Hộ gia đình cá nhân tại các khu vực khác: thu 50% mức thu quy định đối với hộ gia đình, cá nhân tại phường nội thành thuộc thành phố thuộc tỉnh.	- Luật Đất đai 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP của Chính phủ; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT, - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT, - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; - Thông tư số 02/2014/TT-BTC; - Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND
16	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. <i>Thời gian này không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử</i>	- Trung tâm Phục vụ hành chính công đối với tổ chức; - Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không	- Luật Đất đai 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP của Chính phủ;



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		<i>dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định. Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.</i>	UBND cấp huyện đối với cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân hoặc Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp xã nếu có nhu cầu		- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT, - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 02/2014/TT-BTC; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT.
17	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện	Không quy định	- Trung tâm Phục vụ hành chính công đối với tổ chức; - Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện đối với cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân hoặc Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp xã nếu có nhu cầu.	Không	- Luật Đất đai 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP của Chính phủ; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT, - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT;



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
18	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. <i>Thời gian này không tính thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định.</i> <i>Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công đối với tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.	Mức thu đối với tổ chức: Giấy chứng nhận cấp cho tổ chức chỉ có quyền sử dụng đất 100.000 đồng/giấy. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (trường hợp có tài sản) 500.000 đồng/giấy.	- Luật Đất đai 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP của Chính phủ; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT, - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT, - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; - Thông tư số 02/2014/TT-BTC; - Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND
19	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. <i>Thời gian này không tính thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Mức thu đối với tổ chức: Giấy chứng nhận cấp cho tổ chức chỉ có quyền sử dụng đất 100.000 đồng/giấy. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở	- Luật Đất đai 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP của Chính phủ; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT,



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		<i>trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định.</i> <i>Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.</i>		hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (trường hợp có tài sản) 500.000 đồng/giấy.	- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT, - Thông tư số 02/2014/TT-BTC; - Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND
20	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. <i>Thời gian này không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định.</i> <i>Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng</i>	- Trung tâm Phục vụ hành chính công đối với tổ chức. - Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện đối với cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân hoặc Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp xã nếu có nhu cầu.	Cá nhân: - Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất 100.000 đồng/giấy. - Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính 15.000 đồng/lần. - Hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn không phải nộp Lệ phí. Tổ chức: - Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,	- Luật Đất đai 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP của Chính phủ; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT, - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT, - Thông tư số 02/2014/TT-BTC; - Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		<i>xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.</i>		quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất 500.000 đồng/giấy. - Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính 30.000 đồng/lần.	
21	Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. <i>Thời gian này không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định.</i> <i>Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực</i>	- Trung tâm Phục vụ hành chính công đối với tổ chức - Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện đối với cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân hoặc Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp xã nếu có nhu cầu.	Cá nhân: - Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất 100.000 đồng/ giấy. - Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính 15.000 đồng/lần. - Hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn không phải nộp Lệ phí. Tổ chức: - Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất 500.000 đồng/giấy. - Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu	- Luật Đất đai 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP của Chính phủ; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT, - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT, - Thông tư số 02/2014/TT-BTC; - Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		<i>hiện được tăng thêm 10 ngày.</i>		hồ sơ địa chính 30.000 đồng/lần.	
22	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở	Sở Tài nguyên và Môi trường: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, thực hiện thủ tục kiểm tra công trình, ban hành thông báo. Văn phòng Đăng ký đất đai: 20 ngày làm việc cấp Giấy chứng nhận. <i>Thời gian này không tính thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định. Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực</i>	- Trung tâm Phục vụ hành chính đối với tổ chức. - Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện đối với cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân.	Lệ phí cấp giấy chứng nhận Cá nhân: - Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất 100.000 đồng/giấy. - Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính 15.000 đồng/lần. Tổ chức: - Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất 500.000 đồng/giấy. - Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính 30.000 đồng/lần.	- Luật Đất đai 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP của Chính phủ; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT, - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT, - Thông tư số 02/2014/TT-BTC; - Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND; - Nghị quyết số 126/2018/NQ-HĐND



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		<i>hiện được tăng thêm 10 ngày.</i>			
23	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. <i>Thời gian này không tính thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định.</i> <i>Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.</i>	- Trung tâm Phục vụ hành chính công đối với tổ chức - Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện đối với cộng đồng dân cư, hộ gia đình.	Cá nhân: - Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai 28.000 đồng/lần. - Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính 15.000 đồng/lần. - Mức thu đối với hộ gia đình, cá nhân tại các khu vực khác bằng 50% mức thu quy định đối với hộ gia đình, cá nhân tại phường nội thành thuộc thành phố thuộc tỉnh. Tổ chức: - Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai 30.000 đồng/lần. - Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính 30.000 đồng/lần. - Chi phí đăng tin do người đề nghị cấp Giấy chứng nhận	- Luật Đất đai 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP của Chính phủ; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT, - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 02/2014/TT-BTC; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; - Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND; - Nghị quyết số 126/2018/NQ-HĐND



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trả.	
24	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận	+ Thời gian thực hiện thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong trường hợp chuyển đổi, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho, đăng ký góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất là 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; + Thời gian thực hiện thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong trường hợp cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;	- Trung tâm Phục vụ hành chính công đối với tổ chức - Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện đối với cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân hoặc Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp xã nếu có nhu cầu	Cá nhân: - Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai 28.000 đồng/lần. - Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính 15.000 đồng/lần. - Mức thu đối với hộ gia đình, cá nhân tại các khu vực khác bằng 50% mức thu quy định đối với hộ gia đình, cá nhân tại phường nội thành thuộc thành phố thuộc tỉnh. Tổ chức: - Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai 30.000 đồng/lần. - Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính 30.000 đồng/lần.	- Luật Đất đai 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP của Chính phủ; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT, - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT, - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; - Thông tư số 02/2014/TT-BTC; - Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND; - Nghị quyết số 126/2018/NQ-HĐND



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		+ Thời gian thực hiện thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong trường hợp chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng là 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; <i>Thời gian này không tính thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định.</i> <i>Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó</i>			

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		<i>khẩn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.</i>			
25	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. <i>Thời gian này không tính thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định.</i> <i>Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.</i>	- Trung tâm Phục vụ hành chính đối với tổ chức - Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện đối với cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân	Mức thu đối với tổ chức: 50.000 đồng/lần cấp (đối với cấp đổi giấy chứng nhận); 30.000 đồng/1 lần (đối với trường hợp biến động về đất đai).	- Luật Đất đai 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP của Chính phủ; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT, - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT, - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; - Thông tư số 02/2014/TT-BTC; - Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND
26	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. <i>Thời gian này không tính thời gian thực hiện nghĩa</i>	- Trung tâm Phục vụ hành chính công đối với tổ chức - Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Cá nhân: - Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai 28.000 đồng/lần.	- Luật Đất đai 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP của Chính phủ;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; <i>đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp</i>	<i>vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định.</i> <i>Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.</i>	UBND cấp huyện đối với cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân hoặc Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp xã nếu có nhu cầu	- Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính 15.000 đồng/lần. - Mức thu đối với hộ gia đình, cá nhân tại các khu vực khác bằng 50% mức thu quy định đối với hộ gia đình, cá nhân tại phường nội thành thuộc thành phố thuộc tỉnh. Tổ chức: - Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai 30.000 đồng/lần. - Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính 30.000 đồng/lần.	- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT, - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT, - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; - Thông tư số 02/2014/TT-BTC; - Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND
27	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. <i>Thời gian này không tính thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất</i>	- Trung tâm Phục vụ hành chính công đối với tổ chức - Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện đối với cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân hoặc Bộ	Cá nhân: - Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai 28.000 đồng/lần. - Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính 15.000 đồng/lần.	- Luật Đất đai 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP của Chính phủ; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT, - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		<i>có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định.</i> <i>Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.</i>	phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã nếu có nhu cầu	- Mức thu đối với hộ gia đình, cá nhân tại các khu vực khác bằng 50% mức thu quy định đối với hộ gia đình, cá nhân tại phường nội thành thuộc thành phố thuộc tỉnh. Tổ chức: - Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai 30.000 đồng/lần. - Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính 30.000 đồng/lần.	- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT, - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; - Thông tư số 02/2014/TT-BTC; - Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND
28	Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. <i>Thời gian này không tính thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định.</i>	- Trung tâm Phục vụ hành chính công đối với tổ chức - Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện đối với cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã nếu có nhu cầu	Cá nhân: - Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất Cấp lại (kể cả cấp lại giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào giấy chứng nhận 50.000 đồng/lần. - Trường hợp giấy	- Luật Đất đai 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP của Chính phủ; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT, - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT, - Thông tư số 02/2014/TT-BTC;



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		<i>Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.</i>		chứng nhận cấp cho hộ gia đình, cá nhân chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất) Cấp lại (kể cả cấp lại giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào giấy chứng nhận 20.000 đồng/lần. - Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính 15.000 đồng/lần. - Mức thu đối với hộ gia đình, cá nhân tại các khu vực khác bằng 50% mức thu quy định đối với hộ gia đình, cá nhân tại phường nội thành thuộc thành phố thuộc tỉnh. - Hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn không phải nộp lệ phí. Tổ chức:	- Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				- Trường hợp giấy chứng nhận cấp cho tổ chức chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất) 100.000 đồng/giấy. - Trường hợp cấp lại (kể cả cấp lại giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào giấy chứng nhận 50.000 đồng/lần. - Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính 30.000 đồng/lần.	
29	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. <i>Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian</i>	- Trung tâm Phục vụ hành chính công đối với tổ chức. - Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện hoặc Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp xã đối với cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá	Cá nhân: - Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai 28.000 đồng/lần. - Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính 15.000 đồng/lần. - Hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn không phải nộp lệ phí.	- Luật Đất đai 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP của Chính phủ; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT, - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT,

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		<i>xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định.</i> <i>Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.</i>	nhân nếu có nhu cầu	Tổ chức: - Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai 30.000 đồng/lần. - Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính 30.000 đồng/lần.	- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; - Thông tư số 02/2014/TT-BTC; - Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND
30	Chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất	10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. <i>Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật,</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công	- Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai 30.000 đồng/lần. - Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính 30.000 đồng/lần.	- Luật Đất đai 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT, - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT; - Thông tư số 02/2014/TT-BTC; - Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		<i>thời gian trung cầu giám định. Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.</i>			
31	Thẩm định phương án sử dụng đất của công ty nông, lâm nghiệp	Không quá 20 ngày được tính kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Thời gian này không bao gồm thời gian Sở Tài nguyên và Môi trường gửi hồ sơ lấy ý kiến các cơ quan liên quan và thời gian các cơ quan gửi văn bản góp ý kiến về Sở Tài nguyên và Môi trường. Trường hợp nhận hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì trong thời gian tối đa 03 ngày, cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ phải thông báo và hướng dẫn	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Đất đai 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 118/2014/NĐ-CP; + Thông tư số 07/2015/TT-BTNMT ngày 26 tháng 02 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc lập phương án sử dụng đất; lập hồ sơ ranh giới sử dụng đất; đo đạc, lập bản đồ địa chính; xác định giá thuê đất; giao đất, cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định. Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 15 ngày.			sản khác gắn liền với đất đối với công ty nông, lâm nghiệp (gọi tắt là Thông tư số 07/2015/TT-BTNMT).
32	Thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng	- Thời gian từ khi ban hành Thông báo thu hồi đất đến khi ban hành Quyết định thu hồi đất: chậm nhất là 90 ngày đối với đất nông nghiệp và 180 ngày đối với đất phi nông nghiệp. Trường hợp người sử dụng đất trong khu vực thu hồi đất đồng ý để cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất trước thời hạn thì Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quyết định thu hồi đất mà không phải chờ đến hết thời hạn thông báo thu hồi đất.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Đất đai 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT.



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		- Thời gian ban hành Quyết định kiểm đếm bắt buộc: 10 ngày kể từ ngày người sử dụng đất được Ủy ban nhân dân cấp xã vận động, thuyết phục thực hiện Thông báo thu hồi đất. - Thời gian thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: 30 ngày kể từ ngày ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Trường hợp mà thực hiện vượt quá 30 ngày: Nếu nhà nước chậm chi trả thì người có đất thu hồi được nhà nước thanh toán thêm một khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế tính trên số tiền chậm trả và thời gian chậm trả; nếu người có đất thu hồi không nhận tiền bồi thường, hỗ trợ			



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì tiền bồi thường, hỗ trợ được gửi vào tài khoản tạm giữ của Kho bạc Nhà nước. - Thời gian bàn giao đất đối với trường hợp người bị cưỡng chế thu hồi đất chấp hành quyết định cưỡng chế: chậm nhất sau 30 ngày kể từ ngày Ban thực hiện cưỡng chế lập biên bản ghi nhận sự chấp hành của người có đất bị thu hồi.			
33	Thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của tổ chức, cơ sở tôn giáo, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Không quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Đất đai 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT.
34	Thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy	Không quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Đất đai 2013;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối với trường hợp thu hồi đất ở thuộc dự án nhà ở của tổ chức kinh tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.				- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT.
35	Cung cấp dữ liệu đất đai	- Trường hợp nhận được yêu cầu trước 15 giờ thì phải cung cấp ngay trong ngày; trường hợp nhận được yêu cầu sau 15 giờ thì cung cấp dữ liệu đất đai được thực hiện vào ngày làm việc tiếp theo; - Trường hợp yêu cầu cung cấp dữ liệu đất đai dưới hình thức tổng hợp thông tin thì thời hạn cung cấp dữ liệu đất đai được xác định theo thỏa thuận giữa cơ quan cung cấp dữ liệu đất đai và người có yêu cầu bằng hình thức hợp đồng.	- Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh đối với tổ chức; - Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai cấp huyện.	250.000 đồng/hồ sơ, tài liệu (không bao gồm chi phí in ấn, sao chụp hồ sơ, tài liệu).	- Luật Đất đai 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 34/2014/TT-BTNMT ngày 30/06/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc xây dựng, quản lý, khai thác thông tin đất đai (gọi tắt là Thông tư số 34/2014/TT-BTNMT) - Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 29/8/2014 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Kiên



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					Giang (gọi tắt là Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND)
II. Lĩnh vực môi trường: 12 thủ tục					
1	Vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án	- Thời hạn kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ/Thời hạn kiểm tra các công trình xử lý chất thải của dự án: Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ. - Thời hạn có văn bản thông báo kết quả kiểm tra các công trình xử lý chất thải để chủ dự án vận hành thử nghiệm: 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra. - Thời hạn có văn bản thông báo kết quả kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án: 05 (năm) ngày làm việc trước khi kết thúc việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Bảo vệ môi trường 2014 - Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường. - Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường. - Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.
2	Cấp giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê, lưu giữ, vận chuyển mẫu vật của loài thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ	- <i>Thời hạn trả lời tính hợp lệ của hồ sơ</i>: trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ; việc yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ chỉ được thực hiện một (01) lần và thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ; - <i>Thời hạn thẩm định, ban hành quyết định cấp phép</i>: trong thời hạn 30 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Đa dạng sinh học năm 2008; - Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy, cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ.
3	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm quyết định cấp hoặc từ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Đa dạng sinh học năm 2008; - Nghị định số 160/2013/NĐ-CP;



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		chối cấp giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học.			- Thông tư số 25/2016/TT-BTNMT;
4	Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường/ báo cáo đánh giá tác động môi trường lập lại.	- Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: trong thời hạn thẩm định. - Thời hạn thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (không bao gồm thời gian hoàn thiện hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường của chủ Dự án): + Tối đa là 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án thuộc Phụ lục II và loại hình thuộc Phụ lục IIa Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP. + Tối đa là 25 (hai mươi lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Nghị quyết số 127/2018/NQ-HĐND	- Luật Bảo vệ môi trường 2014. - Nghị định số 18/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 40/2019/NĐ-CP; - Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT; - Nghị quyết số 127/2018/NQ-HĐND;

KIỂM GIẤY

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án thuộc Phụ lục II nhưng loại hình không thuộc Phụ lục IIa Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP. + Tối đa là 20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ đối với hình thức thẩm định thông qua việc lấy ý kiến cơ quan, tổ chức liên quan đối với các báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án quy định tại khoản 4 Điều 14 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 40/2019/NĐ-CP bao gồm các dự án thuộc đối tượng phải lập lại báo cáo đánh giá tác động môi trường.			

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		- Thời hạn thông báo kết quả: 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc thẩm định. - Thời hạn phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường: tối đa là 20 (hai mươi) ngày làm việc.			
5	Chấp thuận về môi trường (trường hợp dự án có những thay đổi được quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật Bảo vệ môi trường trong giai đoạn triển khai xây dựng dự án)	- Thời gian kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: tối đa 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. - Thời hạn xem xét, chấp thuận về môi trường: tối đa là 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Bảo vệ môi trường 2014. - Nghị định số 18/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 40/2019/NĐ-CP; - Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT;
6	Kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án	- Thời hạn kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường: là 15 (mười lăm) ngày làm việc, không bao gồm thời gian chủ dự án hoàn thiện hồ sơ và thời gian phân tích mẫu chất thải	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Bảo vệ môi trường 2014. - Nghị định số 18/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 40/2019/NĐ-CP; - Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT;



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		<i>(lấy mẫu tổ hợp trong trường hợp cần thiết).</i>			
7	Thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại điểm b khoản 1 và điểm b, điểm c khoản 2 Điều 5 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Điều 5 Nghị định số 19/2015/NĐ-CP)	- Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: Năm (05) ngày làm việc. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn 35 (ba mươi lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ. - Thời hạn phê duyệt hồ sơ: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Nghị quyết số 130/2018/NQ-HĐND.	- Luật Bảo vệ môi trường 2014. - Luật Khoáng sản số năm 2010; - Nghị định số 19/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 40/2019/NĐ-CP; - Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT; - Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT; - Nghị quyết số 130/2018/NQ-HĐND.
8	Xác nhận hoàn thành từng phần phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản	- Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: không quy định. - Thời hạn cấp giấy xác nhận: Trong thời hạn 40 (bốn mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Bảo vệ môi trường 2014. - Luật Khoáng sản năm 2010 - Nghị định số 19/2015/NĐ-CP. - Nghị định số 40/2019/NĐ-CP. - Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT.



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
9	Đăng ký xác nhận/đăng ký xác nhận lại kế hoạch bảo vệ môi trường	- Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: Không quy định - Thời hạn xem xét, xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường: Tối đa là 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Bảo vệ môi trường 2014. - Nghị định số 18/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 40/2019/NĐ-CP.
10	Chấp thuận tách đầu nối khỏi hệ thống xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và tự xử lý nước thải phát sinh	- Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ. - Thời hạn thẩm định và trả kết quả: tối đa 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ (không bao gồm thời gian hoàn thiện hồ sơ của tổ chức, cá nhân).	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Bảo vệ môi trường 2014. - Nghị định số 18/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT.
11	Cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại (CTNH).	- Thời hạn kiểm tra và trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: 05 (năm) ngày làm việc.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Nghị định số 38/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT.



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		- Thời hạn xem xét cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH sau khi nhận được hồ sơ hợp lệ, đầy đủ: + 15 (mười lăm) ngày làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét và cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH trừ trường hợp dưới đây. + 30 (ba mươi) ngày làm việc trong trường hợp đăng ký chủ nguồn thải CTNH thuộc đối tượng tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH trong khuôn viên cơ sở phát sinh CTNH. <i>*Lưu ý: Thời gian sửa đổi, bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn xem xét, cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH.</i>			- Nghị định số 38/2015/NĐ-CP. - Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT.
III. Lĩnh vực địa chất và khoáng sản: 17 thủ tục					
1	Đăng ký khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông	57 ngày làm việc.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Khoáng sản 2010;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	thường trong diện tích dự án xây dựng công trình (đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép đầu tư mà sản phẩm khai thác chỉ được sử dụng cho xây dựng công trình đó) bao gồm cả đăng ký khối lượng cát, sỏi thu hồi từ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: không quá 05 ngày. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: + Trong thời gian không quá 10 ngày, kể từ ngày có phiếu tiếp nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị khai thác khoáng sản và kiểm tra tại thực địa; + Trong thời gian không quá 25 ngày, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến việc khai thác khoáng sản và xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. - Thời hạn cấp Giấy phép khai thác khoáng sản: + Trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày hoàn thành công việc			- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản (sau đây gọi tắt là Nghị định số 158/2016/NĐ-CP); - Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường (sau đây gọi tắt là Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT); - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Đề án thăm dò

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		thẩm định hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ đăng ký cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố nơi có dự án xây dựng công trình/ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch; + Trong thời hạn không quá 07 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố hoàn thành việc đăng ký. Trong trường hợp không đăng ký thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. - <i>Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:</i> + Trong thời gian không quá 05 ngày, kể từ khi nhận được hồ sơ từ cơ quan có thẩm quyền, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị đăng ký khối lượng khai thác khoáng sản để nhận kết			khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản (sau đây gọi tắt là Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT).



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định. Thời gian nêu trên không kể thời gian tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản làm thủ tục nộp tiền cấp quyền khai thác.			
2	Chấp thuận tiến hành khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản	Không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của tổ chức, cá nhân.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Khoáng sản năm 2010); - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT.
3	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản	107 ngày làm việc. - Thời gian tiếp nhận hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản là 30 ngày, kể từ ngày kết thúc thông báo thông tin về phiên đấu giá. - Trong thời gian không quá 30 ngày, kể từ ngày hết hạn tiếp nhận hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành phương án xét chọn hồ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Do Hội đồng nhân dân tỉnh quy định.	- Luật Khoáng sản năm 2010; - Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản (sau đây gọi tắt là Nghị định số 22/2012/NĐ-CP); - Thông tư số 16/2014/TT-BTNMT ngày 14 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng đấu giá quyền



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		sơ của tổ chức, cá nhân đề nghị tham gia phiên đấu giá và báo cáo Chủ tịch Hội đồng đấu giá hoặc chuyển hồ sơ đấu giá của tổ chức, cá nhân được xét chọn tham gia đấu giá cho tổ chức đấu giá chuyên nghiệp (trường hợp đấu giá thông qua tổ chức đấu giá chuyên nghiệp) để thực hiện đấu giá theo quy định. - Trong thời gian không quá 30 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả xét chọn hồ sơ tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản, Chủ tịch Hội đồng đấu giá hoặc tổ chức đấu giá chuyên nghiệp phải tổ chức phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản. - Thời gian nộp tiền đặt trước được thông báo trong hồ sơ mời đấu giá			khai thác khoáng sản (sau đây gọi tắt là Thông tư số 16/2014/TT-BTNMT); - Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		quyền khai thác khoáng sản trước khi tổ chức phiên đấu giá ít nhất là 07 ngày. - Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường phải trình Ủy ban nhân dân tỉnh hồ sơ phê duyệt kết quả trúng đấu giá. - Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ phê duyệt kết quả trúng đấu giá, Ủy ban nhân dân tỉnh phải ban hành văn bản phê duyệt kết quả trúng đấu giá. - Thời gian thông báo và đăng tải công khai kết quả trúng đấu giá là 05 ngày, kể từ ngày kết thúc phiên đấu giá.			
4	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản	107 ngày làm việc. - Thời gian tiếp nhận hồ sơ đề nghị tham gia đấu	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Do Hội đồng nhân dân tỉnh quy định.	- Luật Khoáng sản năm 2010;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt	giá quyền khai thác khoáng sản là 30 ngày, kể từ ngày kết thúc thông báo thông tin về phiên đấu giá. - Trong thời gian không quá 30 ngày, kể từ ngày hết hạn tiếp nhận hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành phương án xét chọn hồ sơ của tổ chức, cá nhân đề nghị tham gia phiên đấu giá và báo cáo Chủ tịch Hội đồng đấu giá hoặc chuyển hồ sơ đấu giá của tổ chức, cá nhân được xét chọn tham gia đấu giá cho tổ chức đấu giá chuyên nghiệp (trường hợp đấu giá thông qua tổ chức đấu giá chuyên nghiệp) để thực hiện đấu giá theo quy định. - Trong thời gian không quá 30 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo kết			- Nghị định số 22/2012/NĐ-CP; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2014/TT-BTNMT; - Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC.



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		quả xét chọn hồ sơ tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản, Chủ tịch Hội đồng đấu giá hoặc tổ chức đấu giá chuyên nghiệp phải tổ chức phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản. - Thời gian nộp tiền đặt trước được thông báo trong hồ sơ mời đấu giá quyền khai thác khoáng sản trước khi tổ chức phiên đấu giá ít nhất là 07 ngày. - Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường phải trình Ủy ban nhân dân tỉnh hồ sơ phê duyệt kết quả trúng đấu giá. - Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ phê duyệt kết quả trúng			



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		đấu giá, Ủy ban nhân dân tỉnh phải ban hành văn bản phê duyệt kết quả trúng đấu giá. - Thời gian thông báo và đăng tải công khai kết quả trúng đấu giá là 05 ngày, kể từ ngày kết thúc phiên đấu giá.			
5	Phê duyệt trữ lượng khoáng sản	190 ngày làm việc: - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: không quá 05 ngày. - Thời hạn kiểm tra báo cáo trữ lượng khoáng sản: + Trong thời gian không quá 30 ngày, kể từ ngày có phiếu tiếp nhận, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra toàn bộ hồ sơ tài liệu báo cáo; kiểm tra thực địa khu vực thăm dò khoáng sản, mẫu lõi khoan, hào, giếng trong trường hợp xét thấy cần thiết; + Trong thời gian không quá 60 ngày, kể từ ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Thông tư số 191/2016/TT-BTC	- Luật Khoáng sản năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT; - Thông tư số 191/2016/TT-BTC.



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		kết thúc công việc nêu trên, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi báo cáo kết quả thăm dò đến các chuyên gia thuộc các lĩnh vực chuyên sâu để lấy ý kiến góp ý về các nội dung có liên quan trong báo cáo thăm dò khoáng sản. Thời gian trả lời của chuyên gia không quá 20 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của cơ quan tiếp nhận hồ sơ; + Trong thời gian không quá 30 ngày, kể từ ngày kết thúc công việc nêu trên, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp ý kiến của các chuyên gia và chuẩn bị hồ sơ, tài liệu để trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định. - Thời hạn thẩm định báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản và phê duyệt trữ lượng khoáng sản			

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		trong báo cáo thăm dò khoáng sản: + Trong thời gian không quá 30 ngày, kể từ ngày hoàn thành nội dung công việc thẩm định hồ sơ, lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Hội đồng tư vấn kỹ thuật (nếu thành lập) tổ chức phiên họp Hội đồng. + Trong thời gian không quá 10 ngày, kể từ ngày kết thúc phiên họp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Hội đồng tư vấn kỹ thuật, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành biên bản họp Hội đồng. Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện báo cáo thăm dò khoáng sản theo ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Hội đồng tư vấn kỹ thuật, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản thông báo nêu rõ nội dung cần bổ			

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		sung, hoàn thiện kèm theo biên bản họp Hội đồng. Thời gian tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt trữ lượng bổ sung, hoàn thiện báo cáo thăm dò khoáng sản không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. + Trong thời gian không quá 15 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thăm dò đã bổ sung, hoàn chỉnh của tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt trữ lượng, Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định. + Trong thời gian không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt trữ lượng khoáng sản của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng			



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		sản trong báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản. - Thời hạn thông báo và trả kết quả giải quyết hồ sơ: + Trong thời gian 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt trữ lượng đến nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ khác có liên quan.			
6	Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản	90 ngày làm việc: - Thời hạn kiểm tra và trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: + Đối với hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản: 05 ngày làm việc. + Đối với hồ sơ đề nghị thăm dò khoáng sản của tổ chức, cá nhân trúng	Trung tâm Phục vụ hành chính công	- Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 hec-ta (ha), mức thu là 4.000.000 đồng/01 giấy phép; - Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha, mức thu là 10.000.000 đồng/01 giấy phép; - Diện tích thăm dò trên 50.000 ha, mức thu là	- Luật Khoáng sản 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP; - Nghị định số 22/2012/NĐ-CP; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT; - Thông tư số 191/2016/TT-BTC; - Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT; - Thông tư số 53/2013/TT-BTNMT ngày 30/12/2013



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		đầu giá quyền khai thác khoáng sản tại khu vực chưa thăm dò khoáng sản: 05 ngày làm việc. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: không quá 55 ngày + Trong thời gian không quá 40 ngày, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ gửi đề án thăm dò để lấy ý kiến góp ý của một số chuyên gia thuộc lĩnh vực chuyên sâu và tổ chức thẩm định nội dung đề án thăm dò khoáng sản. Thời gian trả lời ý kiến của chuyên gia không quá 10 ngày, kể từ khi nhận được đề nghị của cơ quan tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp nội dung đề án thăm dò khoáng sản phức tạp, cơ quan tiếp nhận hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng kỹ thuật để thẩm định đề án. Thời		15.000.000 đồng/01 giấy phép.	của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định tổ chức và hoạt động của Hội đồng thẩm định đề án thăm dò khoáng sản (sau đây gọi tắt là Thông tư số 53/2013/TT-BTNMT); - Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC.



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		gian quyết định việc thành lập, họp Hội đồng kỹ thuật được tính vào thời gian tổ chức thẩm định đề án thăm dò khoáng sản. + Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến góp ý của các chuyên gia, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm tổng hợp các ý kiến và gửi kèm theo hồ sơ đề nghị thăm dò khoáng sản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. + Trong thời gian không quá 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thăm dò khoáng sản kèm theo ý kiến góp ý của các chuyên gia, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc thông qua nội dung đề án thăm dò khoáng sản để cấp phép hoặc thành lập Hội đồng thẩm			

13

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		định trong trường hợp cần thiết. Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa đề án thăm dò khoáng sản theo ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc ý kiến của Hội đồng thẩm định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ gửi văn bản thông báo nêu rõ lý do chưa thông qua đề án hoặc những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện đề án thăm dò khoáng sản. Thời gian tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép thăm dò bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại đề án thăm dò khoáng sản không tính vào thời gian thẩm định đề án thăm dò khoáng sản. - Thời hạn cấp Giấy phép thăm dò: + Trong thời hạn không quá 21 ngày kể từ ngày tổ chức, cá nhân nộp lại hồ sơ đã hoàn chỉnh			

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		theo thông báo của Sở Tài nguyên và Môi trường về kết quả thẩm định hồ sơ, đề án, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cấp phép thăm dò cho Ủy ban nhân dân tỉnh. + Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc cấp hoặc không cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản. Trong trường hợp không cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. - Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: Trong thời hạn không quá 07 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản từ cơ quan			



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		nhà nước có thẩm quyền cấp phép, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản để nhận kết quả.			
7	Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản	50 ngày làm việc. - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời gian không quá 05 ngày. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: + Trong thời gian không quá 05 ngày, kể từ ngày có phiếu tiếp nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị gia hạn. + Trong thời hạn không quá 30 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến gia hạn.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	- Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 hec-ta (ha), mức thu là 2.000.000 đồng/01 giấy phép. - Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha, mức thu là 5.000.000 đồng/01 giấy phép. - Diện tích thăm dò trên 50.000 ha, mức thu là 7.500.000 đồng/01 giấy phép.	- Luật Khoáng sản năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT; - Thông tư số 191/2016/TT-BTC.

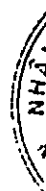


STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		- Thời hạn giải quyết gia hạn Giấy phép thăm dò: + Trong thời hạn không quá 02 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. + Trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc cho phép hoặc không cho phép gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản. Trong trường hợp không cho phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. - Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: Trong thời gian không quá 03 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ			



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		chức, cá nhân đề nghị gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản để nhận kết quả.			
8	Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc một phần diện tích thăm dò khoáng sản	45 ngày làm việc. - Thời hạn hồ sơ: không quá 05 ngày làm việc. - Thời gian thẩm định hồ sơ: Trong thời gian không quá 05 ngày, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản/trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản. + Trong thời hạn không quá 30 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến trả lại Giấy phép thăm dò	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Khoáng sản năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản - Thời hạn giải quyết trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản, trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản: + Trong thời hạn không quá 02 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân tỉnh. + Trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho phép trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm			


 NHÃ

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		dò khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. - Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: Trong thời gian không quá 03 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản, trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản để nhận kết quả.			
9	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	50 ngày làm việc. - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: không quá 05 ngày. - Thời gian thẩm định hồ sơ: + Trong thời gian không quá 05 ngày, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	- Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 hec-ta (ha), mức thu là 2.000.000 đồng/01 giấy phép; - Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha, mức thu là 5.000.000 đồng/01 giấy phép; - Diện tích thăm dò trên 50.000 ha, mức thu là	- Luật Khoáng sản năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT; - Thông tư số 191/2016/TT-BTC.



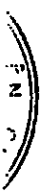
STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		+ Trong thời hạn không quá 30 ngày, phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến chuyển nhượng quyền thăm dò. - Thời hạn giải quyết chuyển nhượng quyền thăm dò Giấy phép thăm dò: + Trong thời hạn không quá 02 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân tỉnh. + Trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho phép chuyển nhượng quyền thăm dò. Trong trường hợp không cấp chuyển nhượng quyền thăm dò Giấy phép thăm dò khoáng sản		7.500.000 đồng/01 giấy phép.	



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. - Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: Trong thời hạn không quá 03 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép.			
10	Cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	35 ngày làm việc - Kiểm tra hồ sơ: không quá 05 ngày - Thẩm định hồ sơ: + Trong thời gian không quá 05 ngày, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị khai thác tận thu khoáng sản và kiểm tra thực địa. + Trong thời gian không quá 15 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Khai thác tận thu: 5.000.000 đồng/01 giấy phép	- Luật Khoáng sản năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT; - Thông tư số 191/2016/TT-BTC.



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến khu vực đề nghị khai thác tận thu khoáng sản. - Trình hồ sơ, quyết định cấp giấy phép: + Trong thời hạn không quá 02 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân tỉnh. + Trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc cấp hoặc không cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản. Trong trường hợp không cấp giấy phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. - Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:			



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		Trong thời gian không quá 03 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.			
11	Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	20 ngày làm việc. - Kiểm tra hồ sơ: không quá 05 ngày - Thẩm định hồ sơ: + Trong thời gian không quá 03 ngày, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị gia hạn. + Trong thời hạn không quá 05 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu: 2.500.000 đồng/01giấy phép.	- Luật Khoáng sản năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT; - Thông tư số 191/2016/TT-BTC.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		sơ và các nội dung khác có liên quan đến gia hạn. - Thời hạn giải quyết gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản: + Trong thời hạn không quá 02 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. + Trong thời hạn không quá 03 ngày. Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định gia hạn hoặc không gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản. Trong trường hợp không đồng ý gia hạn giấy phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. - Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: Trong thời gian không quá 02 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Ủy			



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn để nhận kết quả.			
12	Trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	20 ngày làm việc - Kiểm tra hồ sơ: Không quá 05 ngày. - Thẩm định hồ sơ: + Trong thời gian không quá 03 ngày, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị trả lại. + Trong thời hạn không quá 05 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản. - Thời hạn giải quyết gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản:	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Khoáng sản năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP; - Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (sau đây gọi tắt là Nghị định số 19/2015/NĐ-CP); - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016.



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		+ Trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. + Trong thời hạn không quá 03 ngày, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định cho phép trả lại hoặc không cho phép trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản. Trường hợp không cho phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. - Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: Trong thời gian không quá 02 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn để nhận kết quả.			



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
13	Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản	45 ngày làm việc. - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Không quá 05 ngày. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: + Trong thời gian không quá 05 ngày, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị gia hạn. + Trong thời hạn không quá 30 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến gia hạn - Thời hạn giải quyết gia hạn Giấy phép khai thác: + Trong thời hạn không quá 02 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân tỉnh.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Thông tư số 191/2016/TT-BTC	- Luật khoáng sản 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT; - Thông tư số 191/2016/TT-BTC.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		+ Trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc cho phép hoặc không cho phép gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản. Trong trường hợp không cho phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. - Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: Trong thời gian không quá 03 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản để nhận kết quả.			
14	Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản	50 ngày làm việc. - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: không quá 05 ngày. - Thời thẩm định hồ sơ:	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Khoáng sản năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		+ Trong thời gian không quá 05 ngày, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản/trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản. + Trong thời hạn không quá 30 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản/trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản - Thời hạn giải quyết trả lại giấy phép khai thác khoáng sản/trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản:			- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT.



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		+ Trong thời hạn không quá 02 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân tỉnh. + Trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho phép hoặc không cho phép trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản/trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản. Trong trường hợp không cho phép trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khai thác khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. - Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: Trong thời gian không quá 03 ngày, kể từ ngày			



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		nhận được hồ sơ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản để nhận kết quả.			
15	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản	50 ngày làm việc. - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: không quá 05 ngày. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: + Trong thời gian không quá 05 ngày, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị chuyển nhượng. + Trong thời hạn không quá 30 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Thông tư số 191/2016/TT-BTC.	- Luật Khoáng sản 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT; - Thông tư số 191/2016/TT-BTC.



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến chuyển nhượng - Thời hạn giải quyết chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản: + Trong thời hạn không quá 02 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. + Trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cho phép hoặc không cho phép chuyển nhượng. Trong trường hợp không cho phép chuyển nhượng thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. - Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:			

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		Trong thời gian không quá 03 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản để nhận kết quả.			
16	Đóng cửa mỏ khoáng sản	123 ngày việc. - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: không quá 03 ngày. - Thời hạn thẩm định đề án đóng cửa mỏ: + Trong thời gian không quá 10 ngày kể từ ngày có Phiếu tiếp nhận hồ sơ cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét hồ sơ; lấy ý kiến nhận xét, phản biện của thành viên Hội đồng; mời đại diện thành viên Hội đồng tham gia kiểm tra thực địa (trong trường hợp cần thiết). + Trong thời gian không quá 15 ngày kể từ ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Khoáng sản năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT; - Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		nhận được văn bản xin ý kiến của cơ quan tiếp nhận hồ sơ, tổ chức, cá nhân được gửi lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về nội dung đề án đóng cửa mỏ và các vấn đề có liên quan. Sau thời hạn nêu trên, nếu không có văn bản trả lời coi như đã đồng ý. + Trong thời gian không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến nhận xét, phản biện và cơ quan liên quan, cơ quan tiếp nhận hồ sơ tổng hợp ý kiến góp ý, lập tờ trình báo cáo Chủ tịch Hội đồng thẩm định đề tổ chức phiên họp Hội đồng. + Trong thời gian không quá 07 ngày, kể từ ngày nhận được Tờ trình của Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Hội đồng quyết định thời			



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		điểm tổ chức phiên họp Hội đồng. + Trong thời gian không quá 06 ngày, kể từ ngày kết thúc phiên họp, Chủ tịch Hội đồng thẩm định hoàn thành Biên bản họp Hội đồng. Trường hợp phải bổ sung, hoàn chỉnh hoặc chưa thông qua đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ, trong đó nêu rõ lý do phải bổ sung, hoàn chỉnh hoặc chưa thông qua đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, kèm theo Biên bản họp Hội đồng thẩm định. Thời gian tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại đề án đóng cửa mỏ khoáng sản không tính vào thời gian thẩm định. - Thời hạn trình hồ sơ, đề nghị phê duyệt đề án			



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		đóng cửa mỏ khoáng sản: + Trường hợp đề án đóng cửa mỏ khoáng sản được Hội đồng thẩm định thông qua, trong thời gian không quá 08 ngày, kể từ ngày kết thúc phiên họp Hội đồng hoặc nhận được văn bản bổ sung, hoàn chỉnh đề án của tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ (nếu có), Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn chỉnh và trình hồ sơ phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản; + Trong thời hạn không quá 07 ngày, kể từ ngày nhận được Tờ trình, kèm theo hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản ban hành			



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		quyết định phê duyệt đề án; trường hợp không phê duyệt đề án, phải có trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. - Thời hạn trả kết quả phê duyệt đề án đóng cửa mỏ: Trong thời gian không quá 02 ngày, kể từ khi nhận được quyết định phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ khác có liên quan theo quy định. - Thời hạn tổ chức, cá nhân thực hiện nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt: Thời gian căn cứ vào nội dung đề án đóng cửa mỏ được phê duyệt và không			

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính. - Thời hạn nghiệm thu kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản: Trong thời gian không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với cơ quan có thẩm quyền tổ chức kiểm tra nghiệm thu kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản. + Trong thời gian không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ, Sở Tài nguyên và Môi trường lấy ý kiến bằng văn bản cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT			



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: Trong thời gian không quá 03 ngày, kể từ khi nhận được Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ khác có liên quan theo quy định.			
17	Cấp, điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản; Cấp giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư công trình	<i>145 ngày làm việc.</i> - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: không quá 05 ngày. * Đối với cấp giấy phép khai thác khoáng sản: - Thời hạn thẩm định hồ sơ: + Trong thời gian không quá 25 ngày, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Thông tư số 191/2016/TT-BTC	- Luật Khoáng sản năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT; - Thông tư số 191/2016/TT-BTC; - Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT - Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		nghị khai thác khoáng sản và kiểm tra thực địa; + Trong thời gian không quá 06 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị khai thác khoáng sản và kiểm tra thực địa, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản xin ý kiến đến các cơ quan có liên quan về việc cấp Giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định; + Trong thời gian không quá 20 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của cơ quan tiếp nhận hồ sơ, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề liên quan. Sau thời hạn nêu trên mà không có văn bản trả lời thì được coi như cơ quan được lấy ý kiến đã đồng ý. Thời gian lấy ý kiến đến các			quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản (sau đây gọi tắt là Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC).

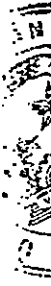


STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		cơ quan có liên quan không tính vào thời gian thẩm định. + Trong thời gian không quá 40 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến việc khai thác khoáng sản và xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. - <i>Việc trình hồ sơ cấp Giấy phép khai thác khoáng sản:</i> + Trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày hoàn thành công việc thẩm định hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cấp phép cho Ủy ban nhân dân tỉnh. + Trong thời hạn không quá 07 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi			

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		trường, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc cấp hoặc không cấp Giấy phép khai thác khoáng sản. Trong trường hợp không cấp phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. - Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: + Trong thời gian không quá 07 ngày, kể từ khi nhận được hồ sơ từ cơ quan có thẩm quyền cấp phép, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản để nhận kết quả. Thời gian nêu trên không kể thời gian tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản làm thủ tục nộp tiền cấp quyền khai thác lần đầu. * Đối với điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản:			

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		- Thời hạn thẩm định hồ sơ: + Trong thời hạn không quá 20 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến đề nghị điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản. - Việc trình hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản: + Trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày hoàn thành công việc thẩm định hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cấp phép cho Ủy ban nhân dân tỉnh. + Trong thời hạn không quá 07 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc cấp			

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		hoặc không cấp Giấy phép khai thác khoáng sản. Trong trường hợp không cấp phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. - <i>Thông báo và trả kết quả hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản:</i> + Trong thời gian không quá 03 ngày, kể từ khi nhận được hồ sơ từ cơ quan có thẩm quyền, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản để nhận kết quả. * Cấp giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư công trình: - <i>Thời hạn thẩm định hồ sơ:</i> + Trong thời gian không quá 10 ngày, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ			



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị khai thác khoáng sản và kiểm tra thực địa; + Trong thời gian không quá 35 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến việc khai thác khoáng sản và xác định tiên cấp quyền khai thác khoáng sản. - <i>Việc trình hồ sơ cấp phép:</i> + Trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày hoàn thành công việc thẩm định hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cấp phép cho Ủy ban nhân dân tỉnh. + Trong thời hạn không quá 07 ngày, kể từ ngày			

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc cấp hoặc không cấp Giấy phép khai thác khoáng sản. Trong trường hợp không cấp phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. - Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: + Trong thời gian không quá 10 ngày, kể từ khi nhận được hồ sơ từ cơ quan có thẩm quyền, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép khai thác khoáng sản để nhận kết quả.			
IV. Lĩnh vực Tài nguyên nước: 12 thủ tục					
1	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Tài nguyên nước 2012; - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước (sau đây gọi tắt là Nghị định số 201/2013/NĐ-CP). - Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ Quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (sau đây gọi tắt là Nghị định số 82/2017/NĐ-CP) - Quyết định số 17/2016/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2016 của UBND tỉnh Kiên Giang ban hành quy định về quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (sau đây gọi tắt là Quyết định số 17/2016/QĐ-UBND).
2	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đã được cấp giấy phép trước ngày Nghị định số 82/2017/NĐ-CP có hiệu lực thi hành.	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Tài nguyên nước 2012; - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP; - Nghị định số 82/2017/NĐ-CP;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					- Quyết định số 17/2016/QĐ-UBND;
3	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Lệ phí cấp phép: 150.000 đồng/giấy phép.	- Luật Tài nguyên nước 2012. - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP; - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường (sau đây gọi tắt là Nghị định số 60/2016/NĐ-CP); - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường (sau đây gọi tắt là Nghị định số 136/2018/NĐ-CP); - Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước (sau đây gọi tắt là Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT); - Thông tư số 75/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về bảo vệ nước dưới đất trong các hoạt động khoan, đào, thăm dò, khai thác nước dưới đất. - Quyết định số 17/2016/QĐ-UBND; - Thông tư số 250/2016/TT-BTC; - Nghị quyết số 122/2018/NQ-HĐND.
4	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm	25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Lệ phí cấp phép: 50.000đ/giấy phép.	- Luật Tài nguyên nước 2012; - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP; - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP; - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP;



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					- Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 75/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về bảo vệ nước dưới đất trong các hoạt động khoan, đào, thăm dò, khai thác nước dưới đất (sau đây gọi tắt là Thông tư số 75/2017/TT-BTNMT) - Quyết định số 17/2016/QĐ-UBND; + Thông tư số 250/2016/TT-BTC; - Nghị quyết số 122/2018/NQ-HDND.
5	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Lệ phí cấp phép: 150.000đ/giấy phép.	- Luật Tài nguyên nước 2012; - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP; - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP; - Nghị định số 82/2017/NĐ-CP; - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP;



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					- Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 24/2016/TT-BTNMT ngày 09/9/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định việc xác định và công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt (sau đây gọi tắt là Thông tư số 24/2016/TT-BTNMT); - Thông tư số 75/2017/TT-BTNMT; - Quyết định số 17/2016/QĐ-UBND; - Thông tư số 250/2016/TT-BTC; - Nghị quyết số 122/2018/NQ-HĐND.
6	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm	25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Lệ phí cấp phép: 50.000đ/giấy phép.	- Luật Tài nguyên nước 2012; - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP; - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP; - Nghị định số 82/2017/NĐ-CP; - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					- Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 24/2016/TT-BTNMT; - Thông tư số 72/2017/TT-BTNMT; - Thông tư số 75/2017/TT-BTNMT; - Quyết định số 17/2016/QĐ-UBND; - Thông tư số 250/2016/TT-BTC; - Nghị quyết số 122/2018/NQ-HĐND;
7	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m ³ /giây; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000m ³ / ngày đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho các mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000m ³ / ngày đêm.	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Lệ phí cấp phép: 150.000đ/giấy phép.	- Luật Tài nguyên nước 2012; - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP; - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP; - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 24/2016/TT-BTNMT; - Thông tư số 47/2017/TT-BTNMT ngày 07/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					trường Quy định về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước (sau đây gọi tắt là Thông tư số 47/2017/TT-BTNMT); - Thông tư số 82/2017/TT-BTNMT; - Quyết định số 17/2016/QĐ-UBND; - Thông tư số 250/2016/TT-BTC; - Nghị quyết số 122/2018/NQ-HĐND.
8	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m ³ /giây; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000m ³ / ngày đêm; Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho các mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000m ³ / ngày đêm;	25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Lệ phí cấp phép: 75.000đ/giấy phép.	- Luật Tài nguyên nước 2012; - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP; - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP; - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 24/2016/TT-BTNMT; - Thông tư số 47/2017/TT-BTNMT; - Thông tư số 82/2017/TT-BTNMT;



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					- Quyết định số 17/2016/QĐ-UBND; - Thông tư số 250/2016/TT-BTC; - Nghị quyết số 122/2018/NQ-HĐND.
9	Cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000 m ³ /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm đối với các hoạt động khác.	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Lệ phí cấp phép: 150.000đ/giấy phép.	- Luật Tài nguyên nước 2012; - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP; - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP; - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT; - Quyết định số 17/2016/QĐ-UBND; - Thông tư số 250/2016/TT-BTC; - Nghị quyết số 122/2018/NQ-HĐND.
10	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000m ³ /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000	25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Lệ phí cấp phép: 75.000đ/giấy phép.	- Luật Tài nguyên nước 2012; - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP; - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP;



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	m ³ /ngày đêm đối với các hoạt động khác.				- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT; - Quyết định số 17/2016/QĐ-UBND; - Thông tư số 250/2016/TT-BTC; - Nghị quyết số 122/2018/NQ-HĐND.
11	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ.	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	1.400.000 đồng/hồ sơ	- Luật Tài nguyên nước 2012; - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP; - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP; - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11 tháng 7 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất; - Thông tư số 75/2017/TT-BTNMT; - Quyết định số 17/2016/QĐ-UBND;



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					- Thông tư số 250/2016/TT-BTC; - Nghị quyết số 122/2018/NQ-HĐND.
12	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ.	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	700.000 đồng/hồ sơ.	- Luật Tài nguyên nước 2012; - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP; - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP; - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT; - Quyết định số 17/2016/QĐ-UBND; - Thông tư số 250/2016/TT-BTC; - Nghị quyết số 122/2018/NQ-HĐND.
V. Lĩnh vực Khí tượng thủy văn: 03 thủ tục					
1	Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	15 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Khí tượng thủy văn năm 2015. - Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					- Nghị định số 48/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn.
2	Gia hạn, sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	15 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Khí tượng thủy văn năm 2015. - Nghị định số 38/2016/NĐ-CP; - Nghị định số 48/2020/NĐ-CP.
3	Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Khí tượng thủy văn năm 2015. - Nghị định số 38/2016/NĐ-CP; - Nghị định số 48/2020/NĐ-CP.
VI. Lĩnh vực Đo đạc và bản đồ: 01 thủ tục					
1	Cung cấp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ	- Khi nhận được thủ tục cung cấp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ hợp lệ, Trung tâm Công nghệ thông tin Tài	Văn phòng Đăng ký đất đai – Sở Tài nguyên và Môi trường	Thông tư số 196/2016/TT-BTC.	- Nghị định số 45/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		nguyên và Môi trường có trách nhiệm thực hiện việc cung cấp ngay trong ngày làm việc. - Nếu khối lượng thông tin, dữ liệu quá lớn mà không thể thực hiện việc cung cấp trong ngày thì Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường phải thông báo cụ thể về thời gian cung cấp.			- Thông tư số 48/2015/TT-BTNMT ngày 12/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý, cung cấp và khai thác sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ. - Thông tư số 196/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin dữ liệu đo đạc bản đồ
VII. Lĩnh vực Biển và Hải đảo: 10 thủ tục					
1	Cấp Giấy phép nhận chìm ở biển	a) <i>Thời hạn kiểm tra hồ sơ:</i> Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ; trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đối với	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo 2015. - Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo (sau đây gọi tắt là Nghị định số 40/2016/NĐ-CP).



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định. <i>b) Thời hạn tiến hành thẩm định:</i> Trong thời hạn không quá 60 ngày đối với hồ sơ kể từ ngày ra văn bản tiếp nhận hồ sơ, trường hợp cần thiết phải lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, tổ chức kiểm tra thực địa (thời gian lấy ý kiến, kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định). Trong thời hạn không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề liên quan. <i>c) Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ:</i> - Thời hạn trình hồ sơ: Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày tổ chức, cá nhân đã hoàn thành việc chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ.			

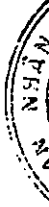


STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		- Thời hạn giải quyết hồ sơ: Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét. <i>d) Thời hạn trả kết quả:</i> Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ từ cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép nhận chìm ở biển.			
2	Gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển	<i>a) Thời hạn kiểm tra hồ sơ:</i> Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ; trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo 2015. - Nghị định số 40/2016/NĐ-CP.



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		<i>b) Thời hạn tiến hành thẩm định:</i> Trong thời hạn không quá 45 ngày đối với hồ sơ kể từ ngày ra văn bản tiếp nhận hồ sơ, trường hợp cần thiết phải lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, tổ chức kiểm tra thực địa (thời gian lấy ý kiến, kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định). Trong thời hạn không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề liên quan. <i>c) Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ:</i> - Thời hạn trình hồ sơ: Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày tổ chức, cá nhân đã hoàn thành việc chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ. - Thời hạn giải quyết hồ sơ: Trong thời hạn không			

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét. <i>d) Thời hạn trả kết quả:</i> Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ từ cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.			
3	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển	<i>a) Thời hạn kiểm tra hồ sơ:</i> Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ; trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định. <i>b) Thời hạn tiến hành thẩm định:</i> Trong thời hạn không quá 30 ngày đối với hồ sơ kể từ ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo 2015. - Nghị định số 40/2016/NĐ-CP.



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		ra văn bản tiếp nhận hồ sơ, trường hợp cần thiết phải lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, tổ chức kiểm tra thực địa (thời gian lấy ý kiến, kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định). Trong thời hạn không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề liên quan. <i>c) Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ:</i> - Thời hạn trình hồ sơ: Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày tổ chức, cá nhân đã hoàn thành việc chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ. - Thời hạn giải quyết hồ sơ: Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy			



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		ban nhân dân tỉnh xem xét. <i>d) Thời hạn trả kết quả:</i> Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ từ cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.			
4	Trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển	<i>a) Thời hạn kiểm tra hồ sơ:</i> Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ; trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định. <i>b) Thời hạn tiến hành thẩm định:</i> Trong thời hạn không quá 45 ngày đối với hồ sơ kể từ ngày ra văn bản tiếp nhận hồ sơ, trường hợp cần thiết phải lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, tổ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo 2015. - Nghị định số 40/2016/NĐ-CP.



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		chức kiểm tra thực địa (thời gian lấy ý kiến, kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định). Trong thời hạn không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề liên quan. <i>c) Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ:</i> - Thời hạn trình hồ sơ: Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày tổ chức, cá nhân đã hoàn thành việc chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ. - Thời hạn giải quyết hồ sơ: Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét. <i>d) Thời hạn trả kết quả:</i> Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, kể			



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ từ cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.			
5	Cấp lại Giấy phép nhận chìm ở biển	<i>a) Thời hạn kiểm tra hồ sơ:</i> Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ; trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định. <i>b) Thời hạn tiến hành thẩm định:</i> Trong thời hạn không quá 15 ngày đối với hồ sơ kể từ ngày ra văn bản tiếp nhận hồ sơ, trường hợp cần thiết phải lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, tổ chức kiểm tra thực địa (thời gian lấy ý kiến, kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định). Trong thời hạn	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo 2015. - Nghị định số 40/2016/NĐ-CP.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề liên quan. <i>c) Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ:</i> - Thời hạn trình hồ sơ: Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày tổ chức, cá nhân đã hoàn thành việc chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ, - Thời hạn giải quyết hồ sơ: Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét. <i>d) Thời hạn trả kết quả:</i> Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ từ cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.			

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
6	Giao khu vực biển	- <i>Thời hạn kiểm tra hồ sơ:</i> Không quá năm (05) ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ. - <i>Thời hạn tiến hành thẩm định:</i> Không quá 45 ngày kể từ ngày ra văn bản tiếp nhận hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần thiết, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, tổ chức kiểm tra thực địa (thời gian lấy ý kiến, kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định). Trong thời hạn không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề liên quan. - <i>Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ:</i> Thời hạn trình hồ sơ: Không quá năm (05)	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Thông tư liên tịch số 198/2015/TTLT-BTC-BTNMT.	- Nghị định số 51/2014/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển (sau đây gọi tắt là Nghị định số 51/2014/NĐ-CP). - Thông tư liên tịch số 198/2015/TTLT-BTC-BTNMT ngày 07/12/2015 của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định phương pháp tính, phương thức thu, chế độ quản lý và sử dụng tiền sử dụng khu vực biển (sau đây gọi tắt là Thông tư liên tịch số 198/2015/TTLT-BTC-BTNMT).



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định. Thời hạn xem xét, giải quyết hồ sơ: không quá bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày Sở Tài nguyên và Môi trường trình hồ sơ. - <i>Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:</i> Không quá năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ từ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.			
7	Gia hạn quyết định giao khu vực biển	- <i>Thời hạn kiểm tra hồ sơ:</i> Không quá năm (05) ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ. - <i>Thời hạn tiến hành thẩm định:</i> Không quá 30 ngày kể từ ngày ra văn bản tiếp nhận hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần thiết, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Thông tư liên tịch số 198/2015/TTLT-BTC-BTNMT	- Nghị định số 51/2014/NĐ-CP; - Thông tư liên tịch số 198/2015/TTLT-BTC-BTNMT.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		liên quan, tổ chức kiểm tra thực địa (thời gian lấy ý kiến, kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định). Trong thời hạn không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề liên quan. - Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ: + Thời hạn trình hồ sơ: không quá năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định. + Thời hạn xem xét, giải quyết hồ sơ: không quá bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày Sở Tài nguyên và Môi trường trình hồ sơ. - Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: Không quá năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận			

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		được kết quả giải quyết hồ sơ từ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.			
8	Sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển	- <i>Thời hạn kiểm tra hồ sơ</i>: Không quá năm (05) ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ. - <i>Thời hạn tiến hành thẩm định</i>: Không quá 20 ngày kể từ ngày ra văn bản tiếp nhận hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần thiết, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, tổ chức kiểm tra thực địa (thời gian lấy ý kiến, kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định). Trong thời hạn không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề liên quan.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Thông tư liên tịch số 198/2015/TTLT-BTC-BTNMT	- Nghị định số 51/2014/NĐ-CP; - Thông tư liên tịch số 198/2015/TTLT-BTC-BTNMT.



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		- <i>Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ:</i> Thời hạn trình hồ sơ: Không quá năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định. Thời hạn xem xét, giải quyết hồ sơ: Không quá bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày Sở Tài nguyên và Môi trường trình hồ sơ. - <i>Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:</i> Không quá 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ từ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.			
9	Trả lại khu vực biển	- <i>Thời hạn kiểm tra hồ sơ:</i> Không quá năm (05) ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ. - <i>Thời hạn tiến hành thẩm định:</i> Không quá 30 ngày kể từ ngày ra văn bản tiếp nhận hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Thông tư liên tịch số 198/2015/TTLT-BTC-BTNMT	- Nghị định số 51/2014/NĐ-CP; - Thông tư liên tịch số 198/2015/TTLT-BTC-BTNMT.

TIỀN GIẢ

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		Trường hợp cần thiết, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, tổ chức kiểm tra thực địa (thời gian lấy ý kiến, kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định). Trong thời hạn không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề liên quan. - <i>Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ:</i> Thời hạn trình hồ sơ: Không quá 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định. Thời hạn xem xét, giải quyết hồ sơ: Không quá 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày Sở Tài nguyên và Môi trường trình hồ sơ.			

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: Không quá 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ từ cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền cho phép trả lại khu vực biển.			
10	Thu hồi khu vực biển	45 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Nghị định số 51/2014/NĐ-CP.

VIII. Lĩnh vực Công nghệ thông tin: 01 thủ tục

1	Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường	- Đối với trường hợp khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu qua trang thông tin hoặc cổng thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường: Không quy định. - Đối với trường hợp khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu theo hình thức phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu: Thời hạn giải quyết trong 05 ngày làm việc, Trung	Văn phòng Đăng ký đất đai - Sở Tài nguyên và Môi trường	- Thông tư số 196/2016/TT-BTC; - Nghị quyết số 132/2018/NQ-HĐND.	- Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường. - Thông tư số 196/2016/TT-BTC; - Nghị quyết số 132/2018/NQ-HĐND ngày 08/01/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh.
---	--	---	---	--	---

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường tiếp nhận kiểm tra văn bản, phiếu yêu cầu, thông báo nghĩa vụ tài chính (trường hợp nghĩa vụ tài chính) cho tổ chức, cá nhân. Sau khi tổ chức, cá nhân thực hiện nghĩa vụ tài chính, Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin, dữ liệu cho tổ chức, cá nhân. Trường hợp từ chối cung cấp thông tin, dữ liệu thì phải nêu rõ lý do và trả lời bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân.			



B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I. Lĩnh vực Đất đai: 11 thủ tục					
1	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	- 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định. Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện. Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã nếu có nhu cầu.	- Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất 100.000 đồng/giấy. - Trường hợp giấy chứng nhận cấp cho hộ gia đình, cá nhân chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất) 25.000 đồng/giấy. - Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính 15.000 đồng/lần.	- Luật Đất đai 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND.



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
2	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định. + Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện. Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã nếu có nhu cầu.	- Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất 100.000 đồng/giấy. - Trường hợp giấy chứng nhận cấp cho hộ gia đình, cá nhân chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất) 25.000 đồng/giấy. - Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính 15.000 đồng/lần.	- Luật Đất đai 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND.

2
K
T
B

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả giải quyết.			
3	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	Không quá 30 ngày làm việc được tính kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Thời gian này không bao gồm thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định. Trường hợp nhận hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì trong thời gian tối đa 03 ngày, cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ phải thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện.	a) Đất ở tại đô thị: - Đất ở 140.000 đồng/ hồ sơ. - Các loại đất còn lại 200.000 đồng/ hồ sơ. b) Đất tại khu vực nông thôn: - Đất ở 100.000 đồng/ hồ sơ. - Các loại đất còn lại 160.000 đồng/ hồ sơ.	- Luật Đất đai 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; - Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND; - Nghị quyết số 126/2018/NQ-HĐND.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		theo quy định. Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.			
4	Giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất	Không quá 20 ngày được tính kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Thời gian này không bao gồm thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định. Trường hợp nhận hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì trong thời gian tối đa 03 ngày, cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ phải thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện.	+ Phí trích lục bản đồ địa chính thửa đất: 30.000 đồng/1 lần. - Lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 100.000 đồng/giấy.	- Luật Đất đai 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; - Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND; - Nghị quyết số 126/2018/NQ-HĐND; - Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định. Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.			
5	Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình, cá nhân	Không quá 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Thời gian này không bao gồm thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định. Trường hợp nhận hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì trong thời gian tối đa 03 ngày, cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ phải thông báo và hướng dẫn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện.	+ Phí trích lục bản đồ địa chính thửa đất: 30.000 đồng/1 lần. - Lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 100.000 đồng/giấy.	- Luật Đất đai 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; - Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND; - Nghị quyết số 126/2018/NQ-HĐND; - Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND.



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định. Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.			
6	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	Không quá 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Thời gian này không bao gồm thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định. Trường hợp nhận hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì trong thời gian tối đa 03 ngày, cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ phải	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện hoặc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã nếu có nhu cầu	Lệ phí địa chính. Hộ gia đình cá nhân tại phường, thị trấn: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là 50.000 đồng/lần cấp. Trường hợp chỉ có đất 20.000 đồng/lần cấp. Hộ gia đình cá nhân tại nông thôn được miễn.	- Luật Đất đai 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; - Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND; - Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND.



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.			
7	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân cấp huyện	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trường hợp nhận hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì không quá 03 ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ phải thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định. - Thời hạn giải quyết: Không quá 45 ngày; đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày, trừ thủ tục hòa giải tranh chấp đất đai.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện	Không	- Luật Đất đai 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP. - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP.
8	Thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng	Không quy định.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện	Không	- Luật Đất đai 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	dân cư, thu hồi đất ở của người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam.				
9	Thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam.	Không quy định.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện	Không	- Luật Đất đai 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT;
10	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. <i>Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.</i>	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện hoặc Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp xã nếu có nhu cầu.	- Hộ gia đình cá nhân tại phường nội thành thuộc thành phố thuộc tỉnh: Mức thu cấp lại, cấp đổi, xác nhận bổ sung vào giấy chứng nhận là 50.000 đồng/lần cấp. Trường hợp chỉ có quyền sử	- Luật Đất đai 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP của Chính phủ; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT, - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; - Thông tư số 02/2014/TT-BTC;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				dụng đất 20.000 đồng/lần cấp. - Đối với hộ gia đình, cá nhân tại các khu vực khác mức thu bằng 50% mức thu quy định đối với hộ gia đình cá nhân tại phường nội thành thuộc thành phố thuộc tỉnh. - Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai là 28.000 đồng/1 lần.	- Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND
11	Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. <i>Thời gian này không tính thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật,</i>	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện hoặc Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp xã nếu có nhu cầu.	- Hộ gia đình, cá nhân tại phường nội thành thuộc thành phố thuộc tỉnh: Mức thu cấp lại, cấp đổi, xác nhận bổ sung vào giấy chứng nhận là 50.000 đồng/lần cấp. Trường hợp chỉ	- Luật Đất đai 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP của Chính phủ; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT, - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 02/2014/TT-BTC;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		<i>thời gian trung cầu giám định.</i> <i>Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.</i>		có quyền sử dụng đất 20.000 đồng/lần cấp. Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai là 28.000 đồng/1 lần. Đối với hộ gia đình, cá nhân tại các khu vực khác mức thu bằng 50% mức thu quy định đối với hộ gia đình cá nhân tại phường nội thành thuộc thành phố thuộc tỉnh. - Hộ gia đình cá nhân ở nông thôn không phải nộp lệ phí.	- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT; - Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND
II. Lĩnh vực Môi trường: 01 thủ tục					
1	Đăng ký xác nhận/ Đăng ký xác nhận lại kế hoạch bảo vệ môi trường	- Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ và	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết	Không	- Luật Bảo vệ môi trường 2014.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		hợp lệ của hồ sơ: Không quy định - Thời hạn xem xét, xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường: Tối đa là 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	quả UBND cấp huyện		- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 40/2019/NĐ-CP.

C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I. Lĩnh vực đất đai: 01 thủ tục					
1	Hòa giải tranh chấp đất đai	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trường hợp nhận hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì không quá 03 ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ phải thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp xã.	Không	- Luật Đất đai 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		- Thời hạn giải quyết: không quá 45 ngày.			
II. Lĩnh vực Môi trường: 01 thủ tục					
1	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	Thời hạn xác nhận Hợp đồng là không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp xã	Không	- Luật Đa dạng sinh học 2008; - Nghị định số 59/2017/NĐ-CP.

PHẦN II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên VB QPPL quy định việc bãi bỏ TTHC
A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH		
I. Lĩnh vực Môi trường		
1	Tham vấn ý kiến trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường	Quyết định số 1756/QĐ-BTNMT ngày 11/8/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
II. Lĩnh vực Địa chất và Khoáng sản		



STT	Tên thủ tục hành chính	Tên VB QPPL quy định việc bãi bỏ TTHC
1	Tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.
III. Lĩnh vực Viễn thám		
1	Cung cấp, khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám	Quyết định số 166/QĐ-BTNMT ngày 22/01/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính thay thế và bãi bỏ trong lĩnh vực viễn thám thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN		
I. Lĩnh vực Môi trường		
1	Tham vấn ý kiến trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường	Quyết định số 1756/QĐ-BTNMT.
C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ		
I. Lĩnh vực Môi trường		
1	Tham vấn ý kiến trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường	Quyết định số 1756/QĐ-BTNMT.